

ĐƠN ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN

Kính gửi: Viện Công Nhận Chất Lượng Việt Nam

1. THÔNG TIN CHUNG				
1.1	Tên phòng thí nghiệm (*)			
	Mã số được công nhận bởi tổ chức công nhận khác hiện nay (nếu có):			
	Địa chỉ thực hiện hoạt động trong phạm vi đăng ký công nhận: (*)	Tel:	E-mail:	
		Fax:	Website:	
		Đơn vị chủ quản (*):		
	Địa chỉ:			
Tel:		E-mail:		
Fax:		Website:		
1.2	Chuẩn mực/tiêu chuẩn đề nghị công nhận:	TCVN ISO/IEC 17025 <input type="checkbox"/> TCVN ISO/IEC 15189 <input type="checkbox"/>		
	Loại hình công nhận:	Công nhận lần đầu/chuyển tiếp	Công nhận lại	Công nhận mở rộng
		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.3	Phụ trách PTN	Họ tên:		
		Tel:		
		E-mail:		
		Mobile:.....		
	Người liên hệ	Họ tên:		
		Tel:		
		E-mail:		
		Mobile:.....		
1.4	Sử dụng dấu công nhận (VACI.R4.3)	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>	
1.5	Tình trạng đăng ký hoạt động theo 107/2016/NĐ-CP hoặc 105/2016/NĐ-CP	Có: <input type="checkbox"/> Không có: <input type="checkbox"/> Không áp dụng: <input type="checkbox"/>		

2. PHẠM VI ĐỀ NGHỊ XIN CÔNG NHẬN	
2.1	Đối với Phòng thử nghiệm/Phòng xét nghiệm: Phụ lục A
2.2	Đối với Phòng hiệu chuẩn: Phụ lục B
2.3	Phòng thí nghiệm có thực hiện hiệu chuẩn nội bộ: Phụ lục C
2.4	Phòng thí nghiệm đăng ký công nhận lại hoặc mở rộng Bổ sung Phụ lục D
2.5	Đăng ký công nhận lấy mẫu Phụ lục A.1
3.	Các tài liệu kèm theo gồm (đánh dấu vào ô tương ứng, nếu có) <ul style="list-style-type: none"> - Sổ tay chất lượng; <input type="checkbox"/> - Phiếu hỏi (VACI.P7.1.F02). <input type="checkbox"/> - Văn bản phương pháp thử/hiệu chuẩn/xét nghiệm nội bộ, nếu có (bao gồm hồ sơ xác nhận giá trị sử dụng và phê duyệt phương pháp; công bố khả năng đo và hiệu chuẩn). <input type="checkbox"/> - Danh mục tài liệu kiểm soát; <input type="checkbox"/> - Hồ sơ đánh giá nội bộ và xem xét của Lãnh đạo lần gần nhất. <input type="checkbox"/> - Danh mục thiết bị thí nghiệm/chuẩn đo lường/chất chuẩn (VACI.P7.1.F03). <input type="checkbox"/> - Phiếu theo dõi tham gia chương trình thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng (VACI.P7.1.F04). <input type="checkbox"/> - Báo cáo kết quả thử nghiệm/hiệu chuẩn/xét nghiệm gần nhất bản copy; <input type="checkbox"/> - Tài liệu về tư cách pháp nhân. <input type="checkbox"/> - Một số tài liệu có liên quan khác (khi được yêu cầu). <input type="checkbox"/> <i>Lưu ý: VACI khuyến khích các đơn vị gửi bản mềm tài liệu, hồ sơ.</i>
	Cơ sở xin cam kết <ul style="list-style-type: none"> - Các thông tin trong đơn là chính xác; - Thực hiện mọi quy định về công nhận; - Cung cấp và cho phép tổ chức công nhận tiếp cận với các tài liệu, hồ sơ của cơ sở để có thể đánh giá theo các chuẩn mực công nhận; - Trả đầy đủ các chi phí phục vụ cho việc công nhận, không phụ thuộc vào kết quả cuối cùng của việc công nhận. - Đã nghiên cứu, thấu hiểu thỏa thuận công nhận.
	Cơ sở sẵn sàng được đánh giá kể từ ngày tháng năm Cơ sở có tiến hành đánh giá sơ bộ không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

Người quản lý PTN

....., ngày tháng năm 20
Thủ trưởng tổ chức

Ghi chú: Các thông tin tại mục có dấu () sẽ được in trong chứng chỉ công nhận và các ấn phẩm do Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam phát hành khi cơ sở được công nhận.*

PHỤ LỤC A – DANH MỤC PHÉP THỬ/XÉT NGHIỆM ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN

Tên Phòng thử nghiệm/xét nghiệm:

Cơ quan chủ quản:

Người quản lý:

Người có thẩm quyền ký:

TT	Họ và tên	Phạm vi (danh mục phép thử/xét nghiệm) được ký

Mã số công nhận (nếu có):

Hiệu lực công nhận (nếu có):

Địa chỉ:

Địa điểm:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Website:

Lĩnh vực thử nghiệm/xét nghiệm:

TT	Tên sản phẩm/ vật liệu/mẫu bệnh phẩm được thử	Tên phép thử/chỉ tiêu xét nghiệm cụ thể	Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)	Phương pháp thử/Kỹ thuật- phương pháp xét nghiệm.
1.				
2.				
3.				
4.				

Chú thích:

- Sử dụng kiểu chữ Time New Roman mã Unicode, cỡ chữ 11, giãn dòng exactly 14pt, spacing 3pt, after 3pt;
- Phép thử/chỉ tiêu xét nghiệm nếu có đề cập phương pháp/kỹ thuật thử, xét nghiệm cụ thể thì phương pháp thử/kỹ thuật thử, xét nghiệm ghi ở dòng dưới tên phép thử/chỉ tiêu xét nghiệm.
- Nếu PTN đăng ký công nhận nhiều lĩnh vực thử nghiệm/xét nghiệm thì liệt kê danh mục từng lĩnh vực một.
- Đánh dấu (*) đối với các phương pháp thử/xét nghiệm khi thực hiện tại PTN có thay đổi so với phương pháp thử gốc

- Đánh dấu (**) cho các phép thử/xét nghiệm đăng ký công nhận mới (chỉ áp dụng cho đánh giá lại hoặc đánh giá mở rộng);
- Đánh dấu (x) cho các phép thử/xét nghiệm có thực hiện ở hiện trường;
- Nếu PTN có nhiều địa chỉ và địa điểm thì trang 1 liệt kê từng địa chỉ và địa điểm và từ trang 2 của biểu thì:
 - + PTN đăng ký nhiều địa điểm thì tên địa điểm ghi ở đầu trang 2, tiếp theo là lĩnh vực;
 - + PTN đăng ký nhiều phòng thì tên từng phòng ghi ở đầu trang 2, tiếp theo là lĩnh vực;
 - + PTN đăng ký nhiều địa điểm, lĩnh vực thì kết thúc một địa điểm hay lĩnh vực thì sang trang mới.

PHỤ LỤC A.1– DANH MỤC LẤY MẪU ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN

Tên Phòng thử nghiệm/xét nghiệm:

Cơ quan chủ quản:

Người quản lý:

Người có thẩm quyền ký:

TT	Họ và tên	Phạm vi (phương pháp lấy mẫu) được ký

Mã số công nhận (nếu có):

Hiệu lực công nhận (nếu có):

Địa chỉ:

Địa điểm:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Website:

Stt	Tên sản phẩm, vật liệu/bệnh phẩm được lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1.		
2.		
3.		
4.		
5.		

Chú thích:

- Sử dụng kiểu chữ Time New Roman mã Unicode, cỡ chữ 11, giãn dòng exactly 14pt, spacing 3pt, after 3pt.

- Đánh dấu (**) cho các phương pháp lấy mẫu mới (chỉ áp dụng cho đánh giá lại).

PHỤ LỤC B – DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN

Tên Phòng hiệu chuẩn:

Cơ quan chủ quản:

Lĩnh vực hiệu chuẩn:

Người phụ trách:

Người có thẩm quyền ký:

TT	Họ và tên	Phạm vi (các phép hiệu chuẩn) được ký

Mã số công nhận (nếu có):

Hiệu lực công nhận (nếu có):

Địa chỉ:

Địa điểm:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Website:

Lĩnh vực hiệu chuẩn

Stt	Tên đại lượng đo/phương tiện đo được hiệu chuẩn	Phạm vi đo	Phương pháp hiệu chuẩn	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMCs)

Ghi chú

- ❖ Phòng hiệu chuẩn đăng ký nhiều lĩnh vực hiệu chuẩn thì liệt kê theo từng lĩnh vực.
- ❖ Đánh dấu (*) đối với các phương pháp hiệu chuẩn khi thực hiện tại Phòng hiệu chuẩn có thay đổi so với phương pháp hiệu chuẩn gốc.
- ❖ Đánh dấu (**) cho các phép hiệu chuẩn đăng ký công nhận mới (áp dụng cho đánh giá lại hoặc đánh giá mở rộng).
- ❖ Đánh dấu (x) cho các phép hiệu chuẩn có thực hiện ở hiện trường.

1) Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, với hệ số phủ $k=2$ và làm tròn lên tối đa tới 2 chữ số có nghĩa.

PHỤ LỤC C
PHẠM VI HIỆU CHUẨN NỘI BỘ

Phòng hiệu chuẩn:

Lĩnh vực hiệu chuẩn:

Stt	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn	Phạm vi đo	Phương pháp hiệu chuẩn	Khả năng đo hiệu chuẩn

PHỤ LỤC D THÔNG TIN BỔ SUNG

Phụ lục này sử dụng cho các Phòng thí nghiệm đề nghị công nhận lại hoặc công nhận mở rộng

1. Tên Phòng thí nghiệm:

2. Mã số công nhận:

3. Số mẫu tiến hành mỗi năm:

Trong đó số mẫu thực hiện tại hiện trường: Chiếm %

Nguồn mẫu (tích vào ô trống nếu thích hợp):

Nội bộ Chiếm %

Khách hàng bên ngoài Chiếm %

4. Nhân sự

Lập danh sách nhân viên Phòng thí nghiệm (có thể làm thành phụ lục):

Tên	Chức vụ	Trình độ	Ngày bắt đầu công tác

5. Tiện nghi và môi trường

Đề nghị cung cấp một sơ đồ mặt bằng Phòng thí nghiệm và vị trí các thiết bị

Điều kiện môi trường:

Nhiệt độ: $^{\circ}\text{C} \pm$ $^{\circ}\text{C}$

Độ ẩm: $\% \pm$ $\%$

Các điều kiện khác

6. Danh mục thiết bị

TT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật chính	Mã hiệu	Nhà sản xuất	Ngày nhận	Ngày vận hành	Tần suất kiểm tra	Tần suất hiệu chuẩn	Tần suất bảo trì